

Lan Man Phố Thị (1)

Tác giả: Trần Minh

Kính tặng hương hồn cha tôi.

Năm 1956 gia đình ông Nhân dọn đến ở trong ngôi nhà sát cạnh nhà chúng tôi. Ngôi nhà gia đình tôi ở và ngôi nhà này giống nhau về kiến trúc. Chúng được xây từ năm 1940, kết cấu tường gạch chịu lực, sàn bằng bê tông cốt sắt. Nhà hai tầng, có sân thượng. Khu phố tôi nằm ở phía nam Hà Nội, trước đây là một bãi tập bắn của quân đội Pháp; được đưa vào qui hoạch làm khu dân cư từ năm 1924. Năm 1954, cha tôi quyết định ở lại Hà Nội nên Người đã mua ngôi nhà này. Ngôi nhà bên cạnh lúc đó thuộc sở hữu của một ông lang tên Trần Hữu Phác. Ông Phác dùng tầng một ngôi nhà này làm hiệu thuốc cao đơn hoàn tán, ông và vợ ông ở tầng hai. Sân thượng là nơi để ông phơi thuốc. Ông Phác nổi tiếng là tay lang băm chuyên chữa các bệnh hoa liễu bằng thuốc bắc, ông làm giàu bằng nghề này: bằng chứng là ông có mấy cái nhà ở Hà Nội, nhà nào cũng là nơi “bắt mạch, kê đơn.” và kiêm hiệu thuốc cao đơn hoàn tán. Ông bà không có con. Ông Phác dáng người thấp, béo, đầu hói, thường trực một nụ cười mỉm trên môi. Ông ăn nói nhỏ nhẹ, tay hay cầm mấy cuốn sách bìa da in chữ Tàu. Với dáng dấp như vậy, ông dễ gây được cảm tình và lòng tin đối với mọi người xung quanh. Nhiều năm về sau, khi các cửa hàng Thuốc bắc của ông đã bị Nhà nước thu hồi và ông không còn được giấy phép hành nghề, tôi vẫn thấy có người tới gặp ông để bắt mạch, kê đơn và bốc thuốc. Điều này làm cha tôi rất ngạc nhiên, có lần Người nói với mẹ tôi về hải hươc:

- Quái, tại sao lão Phác này lại có thể bịp bợm được lâu như vậy nhỉ, có những bệnh chỉ có thể điều trị bằng kháng sinh đặc trị như lậu, giang mai, lao... vậy mà lão toàn cho người ta uống mấy thứ lá lầu và rễ khô vớ vẩn kia.

Bà Phác người thấp bé, trắng trẻo; ít nói và rất sạch sẽ, gọn gàng; bà luôn lâu chùi sàn nhà và đồ đạc sạch bóng. Cuộc sống của hai vợ chồng già không con cái toát lên cái không khí trầm lặng, buồn tẻ!

Năm 1956, Chính phủ tiến hành cải cách tư sản công thương nghiệp tư doanh. Trong thời gian này, tầng một nhà ông lang Phác bị Nhà nước trưng thu; căn phòng ngoài trở thành lớp học, thuộc một trường tiểu học gần đó. Hai phòng bên trong, phòng bếp, nhà xí và khoảng sân thì được phân làm nơi ở cho gia đình ông Nhân. Nhà ông Nhân gồm có hai vợ chồng, bà mẹ ông Nhân và bốn đứa con. Đứa con gái lớn khoảng 10-11 tuổi, tên Hậu, rồi tới đứa con trai khoảng 8 tuổi, tên Từ, rồi đến thằng Phúc khoảng 3 tuổi, thằng Đức vừa mới sinh khi gia đình dọn đến ở đây được vài tháng. Về sau tôi mới biết là sau thằng Từ là đứa con gái tên Ái đã chết vì dịch bệnh trong thời gian kháng chiến chống Pháp. Như vậy ông Nhân đặt tên con cái theo nghĩa của một khẩu hiệu liên tục “Nhân hậu, từ ái, phúc đức, gia lộc”... vì sau đó ông bà Nhân còn cho ra đời thêm hai đứa con nữa: một gái sinh năm 1960 tên Gia và sau rốt là thằng cu Lộc sinh năm 1964.

Ông Nhân dáng người cao lớn, da trắng trẻo, mũi cao, mắt to hơi lồi, đầu chớm hói. Ông có giọng nói trầm ấm. Từ con người ông toát lên vẻ đĩnh đạc và oai phong. Vợ ông thấp bé loắt choắt, da đen đúa, răng nhuộm đen, dáng vẻ quê kệch, có giọng nói nặng chịch của thổ ngữ vùng Hà Tây. Sau khi sinh thằng Đức được vài tháng, bà được ông chồng xin việc cho làm ở Tổ bốc xếp của ga Hàng Cỏ. Gia đình ông Nhân dọn đến ở tầng một nhà ông Phác được khoảng một tháng thì bà con khu phố xì xào với nhau rằng ông Nhân là công an “mặt” cao cấp, nghe đâu tới cấp thiếu tá trung tá gì đó; đến như quận trưởng công an gặp ông còn phải xưng em và có tác phong khúm núm. Thường ngày thì ông Nhân đi làm bằng xe đạp, nhưng thỉnh thoảng có xe mô tô ba bánh MZ hoặc xe “com-măng-ca” đến đưa đón ông. Trong một khu phố mà đa số dân cư thuộc loại dân nghèo thành thị thường gọi là: “xích lô, ba gác, đồng nát, tiểu thương...” và một vài tầng lớp trên như: tư bản bị cải tạo, công chức ngụy quyền cũ hoặc giáo học như cha tôi, thì gia đình ông Nhân thuộc thành phần “lý lịch đầu bảng”, mà lại là công an cao cấp thì càng ghê!

Sau vài lần chào hỏi làm quen khi gặp nhau ở ngoài đường; một hôm vào ngày chủ nhật, ông Nhân sang nhà chúng tôi chơi. Sau khi chào hỏi đáp lễ, cha tôi mời ông ngồi và pha trà, Người rót nước mời ông:

- Mời ông, tên ông là Nhân như ông đã giới thiệu trước đây phải không ạ? Tôi tên Tùng. Bây giờ chúng ta đã là hàng xóm sát vách của nhau, khi nào rảnh mời ông sang chơi, chúng tôi rất hân hạnh...

Ông Nhân ngắt lời:

- Như người ta nói “Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau” và “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Ở Hà Nội tôi chẳng có họ hàng, bà con gì nên chắc sẽ còn sang chơi với ông nhiều, lúc nào rỗi cùng mời ông sang nhà

tôi chơi, cho biết nhà biết cửa. Nhà tôi thì còn chật chội và sơ sài chứ không được như nhà ông đây, thôi thì rỗng rạ cổ đến nhà tôi vậy... Ha..ha... Ông có hay viếng thăm những nhà quanh đây không?

- Thú thật với ông Nhân là hầu như tôi thỉnh thoảng mới viếng thăm vài nhà: ví dụ ông lang Phác, ông giáo Đôn, ông bác sĩ Toàn... còn những người khác thì chưa, tôi vẫn cứ ngại ngại.

- Ờ, những hộ dân ấy thuộc diện không cơ bản; toàn ngụ quân, tư sản cải tạo, hoặc buôn bán quả me, quả sấu ở vỉa hè ấy mà. Thời Pháp những người như ông là danh giá lắm; từng dạy ở cao đẳng sư phạm và litxê An be xa rõ là đáng nể lắm... có thời buổi Dân chủ cộng hòa bây giờ thì tôi mới được hầu chuyện ông ở đây, chứ ngày trước thì có nằm mơ cũng không ...

- Ấy chết, ông cứ dạy quá...

- Ha..ha... thật đấy chứ, này ông có biết câu ca dao.

“con vua thì lại làm vua

con sãi ở chùa thì quét lá đũa

Bao giờ dân nổi can qua

Con vua thất thế, lại ra quét chùa”

không? Mà này, tại sao ông không theo họ hàng đi Nam hồi năm 1954 nhỉ? Tôi hỏi nghiêm chỉnh đấy. Vào đó bây giờ ông cũng sẽ dạy ở một trường litxê hoặc Viện Đại học Sài gòn, vẫn lương cao, nhà cao cửa rộng... nếu có biến động gì thì... tềch sang Pháp cũng dễ.

Cha tôi nhìn thẳng vào ông ta về quan sát/tìm hiểu rồi nói khẽ:

- Hồi năm hai, năm ba (1952-1953) có nhiều trí thức Pháp làm việc tại Đông Dương trở về nước, có những lời mời trí thức gốc bản xứ về nước thay thế người Pháp, lương bổng thì khá cao, y như người Pháp vậy, do đó có nhiều trí thức gốc Đông Dương xin về nước làm việc. Cá nhân tôi thì còn có những lý do riêng, đó là nước Pháp khí hậu quá lạnh đối với tôi, cha tôi đang ốm mà tôi lại là con cả, xa Tổ quốc đã lâu nên rất nhớ, lại chẳng có vợ con vương vấn gì ở Pháp...

Sau buổi nói chuyện đó, cha tôi có thái độ dè dặt và thận trọng với ông Nhân. Có lần, Người nói với mẹ tôi:

- Phải cẩn thận khi nói chuyện với ông Nhân nhé, có thể ông ta ngầm theo dõi thái độ của anh. Mới đây Chính phủ xếp thang lương mới, anh không còn hưởng mức lương lưu dụng cũ nữa rồi; vì lương thấp mà mình thờ ra giọng bất mãn thì phiền lắm. Theo người ta nói thì cứ với năm, sáu hộ dân gì đó, công an hộ khẩu sẽ cử ra một người cộng tác viên, người này sẽ bí mật báo cáo tình hình đời sống, tư tưởng, hành động của mỗi người dân xung quanh mà anh ta có trách nhiệm theo dõi với “công an hộ khẩu”.

Cha tôi ngày càng tin rằng phải rất thận trọng trong cư xử và ăn nói, vì đã có một số giáo học bị bắt đi lao-cải (lao động cải tạo) trong số đó có ông Khúc Ngọc Khảm, ông Khảm là giáo sư dạy toán ở một trường trung học. Hồi 1958-1960, sau khi có một số lớn các học sinh trong chiến khu được gửi đi học ở Liên Xô và Trung Quốc trở về, có các đợt học tập chỉnh huấn tư tưởng diễn ra trong ngành giáo dục. Các thầy cô giáo mà bây giờ được gọi là giáo viên nhân dân phải học tập chính trị Mác-Lê nin và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các sách giáo khoa bây giờ cũng được hiệu chỉnh lại theo sách giáo khoa Liên Xô; nhiều công thức, định luật... trước kia mang tên các khoa học gia Anh, Pháp, Mỹ... thì nay được đổi bằng tên người Nga. Vốn không quen thích ứng nhanh chóng với thời cuộc, lại sẵn tính hài hước, nên ông Khảm- một nhà giáo lưu dụng – đôi lúc có phản ứng châm biếm, đã kích khi bị chụp mũ là “đồ ăn bơ thừa sữa cặn của thực dân, đế quốc”. Có vài lần ông dám tán chuyện theo hướng “phạm húy” với các đồng nghiệp, kiểu như:

- Này, bác Hồ nhà mình có nhiều truyện rất giống Lênin đấy nhá. Hồi Lênin ở Phần Lan trở về nước Nga, khi vừa đặt chân lên đất Nga, Lênin nhặt một hòn đất đưa lên hôn thì Bác Hồ khi ở Trung Quốc trở về Cao Bằng cũng làm như vậy.

Trong thời gian ông đi lao-cải, vợ ông đã lấy chồng khác. Thỉnh thoảng có người quen hỏi thăm tin tức về ông, bà bầu môi:

- ... cái lão ấy cứ hay nói linh tinh, lão cứ tưởng mình như là Khổng Minh ấy, bây giờ mới trắng mắt ra...

Hai con trai ông phải bỏ học, đi làm nghề thợ mộc khi còn nhỏ tuổi, song vì có lý lịch gia đình “cực xấu” nên chúng không được đi bộ đội. Năm 1972 ông Khảm được thả. Vì không được tiếp nhận vào biên chế giáo viên ở bất kỳ một trường nào, nên ông mở lớp dạy thêm và luyện thi đại học về môn toán-lý-hóa cho học sinh cấp 3; thời gian này ông khá nổi tiếng là thầy giỏi vì học sinh theo học ông thường được điểm cao và thi đậu vào đại học hoặc được đi học nước ngoài, ông đã mở ra một kỷ nguyên mới cho ngành giáo viên: đó là mở lớp tư để dạy thêm ngoài giờ; lẽ dĩ nhiên học sinh học thêm phải đóng khá tiền. Đây là một thu nhập ngoại phụ đáng kể cho các giáo viên hiện nay ở Việt Nam! Ông Khảm xứng đáng được ghi tên trong lịch sử nhà giáo Việt Nam

cận đại như là người đi tiên phong trong lĩnh vực dạy thêm với các lớp học cỡ bỏ túi. Thời kỳ này ông sống với hai cậu con trai thợ mộc. Có lần, sau khi đi thăm ông về, cha tôi nói:

- ... hai thằng ấy kiếm tiền cũng khá, nhưng ông ấy vẫn đau là chúng nó chẳng được học hành gì.

Cha tôi ít khi sang chơi nhà ông Nhân, mà ông thì hay sang chơi nói chuyện gẫu với cha tôi. Có thể, hàng ngày đi làm, ông có sự căng thẳng trong công việc, nên khi về nhà ông cần một ai đó để nói chuyện, để tâm sự, giải bày mà không phải e dè/đề phòng gì. Cha tôi hiền lành, ít nói, chịu khó ngồi nghe chuyện của ông, nên được ông chọn làm đối tượng "hầu chuyện". Qua vài lần trò chuyện sau đó, cha tôi đã biết được thành phần xuất thân của ông. Quê ông ở Vân Đình tỉnh Hà Đông cũ. Cha ông xuất thân là anh cùng đinh, thời trai trẻ theo người ta đi lên mạn ngược để buôn trâu rồi buôn bè tre/gỗ. Có được ít vốn liếng, cha ông về làng mua được hơn mẫu ruộng và một cái nhà; ông ta vẫn tiếp tục nghề buôn trâu, còn ruộng thì ông cho người ta cấy rẫy. Dần dần ông trở thành giàu có, ông tậu được đến một nửa số ruộng của dân làng. Rồi ông trở thành lý trưởng. Năm năm sau ông trúng cử chánh tổng của xã, ông ở cái ghế đó cho tới 1945. Ông có hai vợ và mười ba đứa con, nhưng chỉ sống được có năm người. Ông Nhân là con cả, d Ờ

- Xã, có yêu đương gì đâu, cô ấy là em gái “ông xếp” của tôi, cô ấy làm liên lạc cho du kích, rồi bị lộ, phải trốn lên chiến khu ở với ông anh duy nhất- hồi ấy là trưởng ban của tôi. Lúc đó cô ấy còn mù chữ... vừa thổi cơm, giặt giũ, sai vặt, vừa được học bổ túc nên rồi cũng biết chữ. Bây giờ thì rất mê đọc tiểu thuyết vì hiệp của Tàu: Tam quốc, Đông chu liệt quốc, Thủy hử, Chinh đông, Chinh Tây, La Thông tảo bắc, Thuyết đường... tôi vẫn cứ phải nhắc nhở là đừng cho ai mượn, những sách ấy không hay hóm gì, gần như là sách cấm, nhưng thú thật là mình cũng rất mê đọc nó ông ạ...
- Thế bà nhà ta bây giờ làm ở tổ bốc xếp của ga thì có vất vả lắm không? Lương thế nào?
- Cũng được, thì ông tính văn hóa không có, làm được gì? Kể mà nó khá hơn một chút thì tôi xin cho cái chân văn thư/đánh máy ở một cơ quan nào đó. Làm thì không vất vả, vì bà ấy không phải khâu vác đâu, mà chỉ quét dọn thôi, lương năm ba (53) đồng/tháng, tiêu chuẩn cao... gạo hai mốt (21kg/tháng), thịt chín lạng (0,900kg/tháng)... chỉ phải cái tội là môi trường nó phức tạp, anh em công nhân có một số là nguy binh hoặc tù về, cứ mở mồm là văng tục văng nhác nên cũng ảnh hưởng tới cung cách của bà ấy. Tôi tính, mấy năm nữa nếu không chuyển cho đi chỗ khác hơn thì cũng xin cho bà ấy hưu non. Mẹ mướp rồi, tiếc đời trai trẻ của mình chẳng được yêu đương gì, mắc phải mẹ ấy... rồi con cái sồn sồn, chặc... dân răng đen, mã tấu, đã thế lại còn nghiện thuốc lá nữa mới chán đời chứ, tôi thì lại không hút thuốc...

Cha tôi hỏi về dè dặt:

- Như các ông thì lấy vợ lấy chồng phải báo cáo tổ chức và xét lý lịch kỹ lắm hả?”
- Ồ, xét lý lịch ghê lắm, đến hai ba đời ấy chứ, nhưng cứ bần nông là yên tâm; có lần tổ chức giới thiệu cho tôi một cô, ấy là trước khi lấy bà xã bây giờ, cô này trông cũng trắng trẻo xinh xắn, nhưng người cứ ngơ ngơ thế nào ấy, về sau tôi mới biết là cô ta bị dở người. Trước cũng đi du kích, hoạt động hăng lắm. Rồi bị Tây bắt, phải đến gần chục tháng thay nhau hãm hiếp suốt một tuần giam giữ trong bốt, trước khi chúng thả cô ấy. Cô ấy mắc bệnh kín và dở người từ đó, chữa mãi không khỏi. Cũng may mà chưa dính vào nó, chứ cứ nghe lời tổ chức ừ bừa đi, rồi lấy nó thì khổ nạn cả đời. Nay, ông biết không, có lần mấy tay cán bộ tuyên huấn về thôn làng nói ngon nói ngọt thế nào mà dễ được tới hơn chục cô chưa chồng lên trại thương binh. Mỗi cô tình nguyện mang một anh thương binh nặng nhất về phụng dưỡng và lấy làm chồng.. Mẹ, mù cả hai mắt, cụt cả hai chân cũng còn là may, chứ có tay còn nằm liệt, ỉa đày, đái đày, có tay đã tàn phế lại còn bị tâm thần.
- Ông có biết là liệu về sau các cặp vợ chồng ấy có hạnh phúc không? Có sống với nhau lâu dài không?
- Hạnh phúc thế nào được. Lúc đầu thì biểu dương tinh thần rầm rộ lắm. Về sau, khi phải nuôi nấng, phục dịch các bố ấy toái cả người, thì các mẹ cũng nản, rồi họ cũng bỏ bê, rồi ngoại tình... chặc!

Hầu hết lũ con cái ông Nhân đều giống mẹ ở cái dáng thấp đậm, da ngăm đen và sần sùi, chỉ có mỗi thằng Đức là giống bố như đúc, nên ông Nhân quý nó lắm, dù bề ngoài thì cổ giầu. Tôi chưa hề thấy ông đánh nó bao giờ. Ông cho nó mặc quần áo mới chứ không phải mặc đồ thừa của đứa lớn như lũ anh chị em nó. Ông rất nghiêm khắc với con cái; bố tôi thường lấy ông ra làm gương để răn chúng tôi:

- Con có muốn bố đánh bằng cán chổi phát trần đến tóe máu đít, rồi lấy muối xát như bác Nhân đánh anh Từ ấy hay không thì bảo?

Vì ông hay đánh mắng thằng Từ nhất. Của đáng tội, thằng này cũng “bất trị”, hay phạm các tội như đánh nhau, trốn học đi bơi hay câu cá trộm, ăn trộm tiền của mẹ nó, lấy trộm bơ gạo đem đổi lấy bánh cuốn về ăn... Về sau thì ông hay đánh con bé Gia vì nó cũng ngỗ ngược; bỏ học, tập hút thuốc lá, hay đánh nhau và ăn cắp vặt đồ đạc trong nhà đem bán để ăn quà...

Thời gian từ 1960-1965 là chế độ tem phiếu, thất lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ này ở khu phố tôi có một số người bị đưa đi cải tạo vì “ăn nói bất mãn”. Trong số đó có ông Mẫn. Ông Mẫn trước kia đi lính ngụy cho Pháp. Năm 1956 ông đã được đi học tập cải tạo mấy tháng rồi được thả. Ông làm nghề đập xích lô. Vợ ông chân đi tập tễnh, ở nhà đan len thuê. Hai vợ chồng có năm đứa con, sần sần trứng gà trứng vịt, đều bẩm thỉu nhem nhếch vì suốt cả ngày chúng lê la ở ngoài đường, chỉ tối đến mới về nhà đi ngủ. Ông Mẫn người đen đúa, vạm vỡ khác hẳn với bà vợ nhỏ bé, xanh xao. Ông rất chăm làm, ngoài đập xích lô ra thì ai thuê gì ông làm nấy, không nề hà gì: từ khâu vác, dọn dẹp, đến móc hộ bùn rác ở ga cống... Vậy mà gia cảnh vẫn đói rách, chạy gạo từng bữa. Người ta đồn là ông có võ. Đã có lần lũ trẻ con chúng tôi thấy ông đánh cuộc với cánh xích lô ba gác: Ông gồng cánh tay lên để cho một anh chàng chặt cây mía làm năm khúc rồi dùng các khúc mía đó quật vào cánh tay ông. Mỗi lần quật là gióng mía gãy làm đôi nghe cái rắc. Sau khi kết thúc, ông vẫn như không. Sức khỏe của ông là ước mơ của lũ trẻ con chúng tôi.

Một buổi sáng, bà con hàng phố thấy vợ ông vật vì khóc lóc giữa lũ con méo máo xúm xung quanh; thì ra tối hôm trước ông đã được mấy người xưng là công an mật tới đọc lệnh đưa đi tập trung cải tạo, ông chỉ được mang theo mấy cái quần áo, không được mang theo tiền. Về nguyên nhân tại sao ông Mẫn bị bắt, theo lời bà vợ và bà con sống xung quanh, thì thỉnh thoảng ông mang bộ binh phục ra phơi và thỉnh thoảng khi “mưa phùn gió bắc” ông lại mặc cái áo ba-đờ-xuy dạ và cái mũ nồi đen của lính ngự cũ. Đôi khi, vào bữa cơm tối, sau khi đã nhấp vài chén “quốc lủi”, ông cao hứng kể chuyện “đời lính ngự” cho vợ con nghe... có lẽ vì thế mà mấy hôm sau, khi vợ ông lên quận công an vật vì khóc lóc và đưa đơn xin cho ông được về, công an giải thích là ông Mẫn cần được cải tạo thêm một thời gian nữa vì vẫn còn “nhớ tiếc và tuyên truyền cho cho quân thực dân Pháp.

Mấy tháng sau, bà Mẫn và lũ con được đưa đi “xây dựng kinh tế miền núi”, mà hồi đó người ta gọi một cách nôm na là: đi khai hoang. Từ đó chúng tôi không bao giờ gặp lại họ nữa! Thời kỳ đó người ta càng xa xào và cảnh giác với ông Nhân. Trong mắt bà con dân phố, ông Nhân trở thành một loại ngáo ộp giống như “mật thám Tây lùn” ngày trước, chuyên đi dò la, lũng bắt người... nhưng bây giờ họ làm khéo léo, kín đáo hơn thời trước.

Có lần khi cha tôi bị mẹ tôi phàn nàn là dạo này khẩu khí và cách ứng xử của ông đã thay đổi, cha tôi lúng túng, một lúc sau Người nói:

- Anh xin lỗi, quả thực là anh có thay đổi. ở các cơ quan/công sở bây giờ mà cứ đi nhẹ, nói khẽ hoặc nói cảm ơn/ xin lỗi/ thưa ông/ thưa bà... thì bị người ta phê phán là còn giữ tác phong tiểu tư sản cũ. Nói to, ồn ào, xô bồ, ngồi xồm trên ghế; trong câu chuyện có điểm các câu văng tục... thì được họ coi là bình dân, là người cùng cánh. Hôm nọ anh ngạc nhiên khi thấy một học sinh ghi thành phần lý lịch gia đình là: “nông dân Hàng Đào”, anh cho đó là trò đùa của cậu ta và kể lại với mọi người ở phòng Giám hiệu, không ngờ mọi người gật gù và giải thích cho anh đúng là như vậy. Số là hầu hết các cửa hàng ở các phố buôn bán của Hà Nội bây giờ bị nhà nước quản lý, các chủ hộ buôn cũ bị dồn vào ở bên trong hoặc phải dọn đi. Nhà nước chia các nhà quản lý ấy cho những người mới đến Hà Nội, họ là cán bộ/bộ đội ở kháng chiến về, thành phần xuất thân là bần nông hoặc nông dân... Cho nên mới có cái thành phần “Nông dân Hàng Đào, Hàng Đường” như vậy. Thành phần nhà ta bây giờ được gọi là “Trí thức tiểu tư sản”. Mà này, từ nay em đừng có gọi cái Nụ là đứa ở hoặc con sen nữa nhé, mà phải gọi là cô giúp việc... sắp tới mình cũng phải cho nó về quê thôi, với chế độ tem phiếu eo hẹp thế này thì không thể nuôi người giúp việc được đâu, vả lại có người giúp việc bây giờ bị quy kết là tư sản, là bóc lột, nguy hiểm lắm!

Trong những năm của thập kỷ 80, có lần một người bà con là Việt kiều sống ở Pháp về thăm Hà Nội, có đến thăm cha tôi. Trong lúc chuyện trò, bà có thắc mắc là tại sao người Hà Nội bây giờ khác với người Hà Nội ngày xưa quá: đi ra ngoài đường không ai mặc áo dài/complê; người ta thản nhiên đổ rác ra đường; xe máy/ô tô bấm còi vô tội vạ; họ bình thản ăn uống trên vỉa hè, xung quanh là ruồi nhặng và bụi rậm kinh khủng; họ cũng thản nhiên cởi trần, mặc độc cái xà lòn mà đứng tắm cạnh những cái hồ chứa nước ở vỉa hè; họ chặn nuôi tăng gia lợn, gà ở trong căn hộ chật hẹp của mình, vân vân và vân vân... Cha tôi trầm ngâm một lúc rồi trả lời:

- Chị biết đấy, hồi năm năm tư (1954) hầu hết dân Hà Nội như tụi mình đi Nam. Hà Nội hồi đó vắng lắm. Hầu hết dân Hà Nội bây giờ là những người ở quê ra, kiểu như: anh Hỡ làm cán bộ, công an, công nhân gì đó ở Hà Nội được vài năm. Anh xin cho bố mẹ, vợ con ra Hà Nội ở cùng, rồi nhập hộ khẩu. Vì thế họ du nhập lối sống của bà con nông thôn ra Hà Nội. Hồi tôi còn dạy học, nổi vất vả nhất là làm sao uốn nắn cho học sinh nói đúng “n” và “l” thế mà hầu hết là không có kết quả. Chị thấy đấy, khối người cứ nói “em người Hà Lợi đây...” Bà khách bật cười:

- Đúng thế, Hà Nội văn minh... theo tôi, đây là nền văn minh vỉa hè.

Trong những năm từ 1965-1970, gia đình chúng tôi đi sơ tán khỏi Hà Nội. Những năm đó gọi là “Chiến tranh leo thang đánh phá miền Bắc của đế quốc Mỹ”, do đó chúng tôi không gặp ông Nhân cũng như lũ con của ông. Cũng như chúng tôi, chúng cũng đi sơ tán, nhưng chúng về quê của chúng ở Hà Tây. Riêng vợ chồng ông Nhân vẫn ở lại Hà Nội. Tới năm 1970, chúng tôi trở lại học ở Hà Nội, thì lũ con ông Nhân cũng trở về nhà và học ở Hà Nội. Ông Nhân và cha tôi thỉnh thoảng lại thăm viếng nhau. Đứa con gái lớn của ông Nhân, tên là Hậu, thi trượt Đại học, được ông xin việc cho làm nhân viên bán hàng ở một cửa hàng bách hóa lớn. Chế độ tem phiếu làm cho nghề bán hàng thực phẩm và bách hóa hồi đó trở thành một nghề béo bở vì bất kỳ một loại hàng hóa nào từ các chỗ đó đem ra bán ở chợ đen cũng lý gấp 2, gấp 3 lần... Ông Nhân nói:

- Cho nó bán bách hóa, nó nhàn và lịch sự hơn là bán thực phẩm...

Đưa con trai tiếp theo, tên là Từ, thì đã vào đại học Bách Khoa, ông nói:

- Tôi cay là nó chỉ thiếu có hai điểm mà không được đi học nước ngoài, cũng may vì nó cận thị mà không phải đi nghĩa vụ...

Đưa con thứ ba là thằng Phúc, nó vừa tốt nghiệp phổ thông thì có giấy gọi đi nghĩa vụ quân sự. Nó nhập ngũ năm 1971, là năm chiến tranh đang ác liệt ở Quảng Trị và Nam Lào. Sau ba tháng huấn luyện, ông Nhân xin cho nó vào học ở trường Đại học Công an, thế là nó không phải vào Nam chiến đấu, mà học ở Hà Đông, một tháng về thăm nhà một lần. Thằng Đức và con Gia làm cho ông bà đau đầu nhất, vì chúng học dốt và lười học. Chúng bỏ học năm lớp 8 sau hai năm học đúp.

- Chúng nó không chịu đi học nữa, chúng nói là xấu hổ với đám con nít học cùng.. thôi thì dần dà vài năm nữa tôi xin cho chúng nó vào Công an hoặc đi làm vậy, chắc, mười ngón tay có ngón dài ngón ngắn, cha mẹ sinh con trời sinh tính.

Song sự việc lại không đơn giản như vậy; đang tuổi ăn tuổi lớn, hiếu động, mà lại chơi không, nên hai đứa này tụ tập với bọn trẻ lông bông trộm cắp và rồi như các cụ nói: “ngưu tầm ngưu, thử tầm thử”, chúng tập và quen hút thuốc lá, rồi để có tiền tiêu sài, chúng đã đi trộm cắp. Vài lần bị bắt vào đồn Công an, ông Nhân phải làm đơn bảo lãnh xin cho chúng về. Ông đánh con Gia những trận rất đau, làm nó thâm tím hết cả mình mẩy và nằm liệt ở nhà mấy ngày; nhưng ông không thể đánh được thằng Đức vì nó không chịu nằm xuống cho ông phết dít, khi ông quật được một roi vào chân nó thì nó giật lấy roi, bẻ gãy và vứt ra ngoài. Mấy hôm sau lại đau vào đấy, chúng lại trốn nhà theo bọn trộm cắp. Khoảng một năm sau khi thôi học, cả hai đứa được gửi đi trại cải tạo dành cho trẻ vị thành niên. Ông Nhân đau sót lắm, trông ông già hẳn đi, thằng Đức đưa con trai mà ông quý nhất, đã sớm bắt đầu cuộc đời trong trại cải tạo.

Ông Nhân đôi khi có những trò đùa ồn ào theo kiểu của ông. Đặc biệt là khi ông đã uống vài ba chén rượu. Có lần tôi thấy ông vấy một cô đang gánh một gánh rau cần, cải cúc, cà chua... đi bán rong trên vỉa hè. Cô này tưởng ông vấy lại để mua rau, bèn đi tới, hỏi:

- Bác mua rau gì ạ?

- Không, tao chẳng mua rau gì cả. Tao cuộc rắng trong cái đám rau cần của mày thế nào cũng có cứt người và đĩa.

- Không có đâu, cháu đã rửa ở cầu ao rồi mới mang đi bán mà.

- Không thể hết được, tao biết là ruộng rau cần và cái ao của mày là rất lắm đĩa, tao mà vạch được đĩa thì mày mất gì với tao? Mà rau cần thì hay bón phân người lắm.

- Mất gì cũng được, nhưng thôi... ông để cháu đi để cháu còn bán hàng.

Ông Nhân cười nhân nhờ, một tay giữ đòn gánh trên vai cô gái, tay kia bới đám rau cần, rồi ông reo lên:

- Đây, thế chẳng đĩa thì là cái gì đây... hà hà, mày mất gì với tao đây, con ời?

Cô gái vùng vằng một cách khổ sở và tuyệt vọng, cho tới khi cô bật khóc thì ông Nhân mới thả cho cô đi, ông cười khà khà:

- Có đùa một tí mà đã nhè, con gái kháu thế kia mà mau nước mắt.

Có vài lần khi thấy cha tôi dắt xe đạp ra khỏi cổng, ông Nhân đi tới nắm lấy ghi đông xe, nói bô bô:

- Này ông, xe ông là xe Pơ-giô đây, mà sao ông lại để cho nó thê thảm thế này?

Ông ta cứ giữ chặt lấy ghi đông không để cho cha tôi dắt xe đi, vừa cười vừa nói oang oang/ chót nhả về đề tài “xe đạp cời trường” với đám đông rồi việc, hiểu kỳ xúm quanh. Những người này cũng nhân nhờ cười thích trí. Thấy ông đang khoái chí với trò này, cha tôi bỏ cái xe đạp cho ông ta giữ, rồi đi vào nhà. Ông cụt hứng vì mất đối tượng để trêu ghẹo, bèn gọi to:

- Ông Tùng ời, ông Tùng ời, ra mà nhận cái xe cời trường của ông này.

Ở phố chúng tôi có một ông giáo già, trước kia đã dạy ở lít-xê (Trung học), tên là Cao Xuân Huy. Thời Pháp cụ còn dạy chữ Nôm cho những người Pháp muốn nghiên cứu văn học cổ Việt Nam. Cụ là cha đẻ của nhà dịch giả văn học Nga hàng đầu ở Việt Nam là ông Cao Xuân Hạo. Cụ thường dắt một cái xe đạp Pơ-giô, sau póc-ba-ga có buộc mấy quyển sách. Tôi chưa hề thấy cụ đi xe đạp bao giờ, mà chỉ thấy cụ dắt xe trên vỉa hè. Tôi có hỏi cái điều thắc mắc đó với cha tôi vì cha tôi quen cụ, cha tôi nói một cách băng quơ:

- Ông ấy cận thị nặng, lại có tuổi, ông ấy cần một điểm tựa cho hai tay, tuy nhiên ở những phố vắng, ông ấy vẫn đạp xe đấy...

Giống như cha tôi, cụ giáo Huy cũng trở thành đối tượng để ông Nhân ghẹo chơi. Ông nắm lấy ghi đông xe đạp của cụ và hỏi:

- Tại sao ông lại đi xe đạp trên vỉa hè?

- Tôi dắt đấy chứ, có đi đâu?

- Dắt mà đi dài dài hết đoạn vỉa hè nọ tới đoạn vỉa hè kia là cũng không được, lóng đường dành cho xe cộ, vỉa hè dành cho người đi bộ kia mà?

Ông cụ lúng túng, mặt đỏ lựng, trông vào rất tội nghiệp vì không biết ứng xử ra sao với cái sự việc đột ngột này, cụ lắp bắp:

- Thế ông là ai mà lại giữ xe tôi như vậy?
- Tôi là nhân dân thôi, nhưng làm công tác giữ trật tự đường phố.
- Tôi xin ông, mắt tôi kém, đoạn đường này xe đông nên tôi phải dắt.
- Không được, mắt kém thì đừng đi xe đạp, đi bộ mà chống ba toong có phải hơn không?

Cứ nhớ những như vậy đến một lúc, khi thấy ông cụ đã đủ khổ sở rồi, ông nhân mới thả xe cho cụ đi với lời dặn:

- Ông bán xe đi rồi mua cái ba toong mà chống, đi mà oai mà nhẹ, nhé... gớm, trí thức gì mà mới đùa có một tí mà đã sợ vãi đái ra rồi.

Ông Nhân có vẻ khoái chí với những trò đùa kiểu như vậy lắm. Ông Nhân có mấy ông bạn hay lui tới nhà, mấy ông này đều cao to, bệ vệ, giống vóc dáng của ông. Có lần cha tôi nhận xét:

- Bác có mấy ông bạn trông bệ vệ giống bác quá nhỉ, đúng là “bạn tầm vóc”, như người ta nói ấy.
- À, tay Thụy- Giám đốc sở Hải quan Hà Nội, nhà gần đây, bác biết rồi đấy. Tay này trước ở Công an, cùng đơn vị với tôi. Còn cái tay mặt đen, tóc xoăn là Luyện, trước là quân của tôi, nhưng bây giờ vượt tôi rồi, vì nó được đi học ở Liên Xô, chắc, sự nghiệp quần chúng mà, mình thì sắp về hưu rồi. Tụi nó rất mê thịt cây bầy món, bà nhà tôi nấu món này thạo lắm, thỉnh thoảng kiếm được một con, tôi lại rủ chúng nó đến nhậu nhẹt, mà ngon, mà vui vẻ, kín đáo..ăn hiệu thì đắt, mà lại không thể nào ngon và thoải mái như ở nhà được.

Thời kỳ sau 1970, ông Nhân có vẻ thất vọng về một vài điều gì đó vì ông hay phàn nàn về “nhân tình thế thái”, có lần nói chuyện gẫu với cha tôi, ông buột miệng văng ra:

- Mẹ, ông đã tiếp xúc với các tay lĩnh tụ bao giờ chưa? ấy là tôi muốn nói tới những tay trong Bộ chính trị ấy, chưa bao giờ à? Tôi tiếp xúc với họ nhiều, cũng xoàng lắm, hầu hết toàn con nhà phú hộ, học hành dang dở cỡ díp-lôm (lớp bầy), rồi đi làm cách mạng... người ta bây giờ năm năm đại học ở Nga, ba năm nghiên cứu sinh ở Đức... các bố này tiểu sử toàn là năm năm Hỏa Lò, mười năm Côn Đảo... hà hà. Trong số họ chỉ có ông Giáp là có học thức cao nhất, nên tụi kia ghen ghét ông ấy, tất nhiên là ngầm thôi.

Một lần khác, khi nói chuyện về vấn đề học thức ở các trường hiện nay, ông hỏi cha tôi:

- Nay, ông nghĩ sao về cái tên thầy giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân, kỹ sư nhân dân, rồi lại còn đại học công nông nữa chứ?
- Hỏi tôi dạy ở Đại học tổng hợp, nhiều sinh viên là học sinh ở ngoài kháng chiến về, thời gian về sau là bộ đội đi học... Nói thực nhé, trình độ học thức của họ kém xa tú tài ngày xưa. Họ thi không đạt, lại thi lại, không đạt lại thi tiếp... mình mà bắt họ học đúp là mình bị phê bình, bị mất tiên tiến. Cứ như vậy, mỗi năm lên một lớp, rồi cũng tốt nghiệp ra kỹ sư, thầy giáo... nhiều người rồi lại đi nước ngoài, vài năm sau về nước lại có bằng tiến sỹ, phó tiến sỹ. Đó, thì đấy là cái danh hiệu nhân dân ghép sau các học vị để cho thấy ai cũng có thể đạt được chẳng? Mà có cái lạ, khác hẳn với học vấn Âu-Mỹ, là học ở Việt Nam ta hầu hết là lý thuyết xuong trên sách vở chứ không hề có thí nghiệm hoặc nghiên cứu trên máy móc, thiết bị.
- Ngay trên phương tiện truyền thông như đài và vô tuyến truyền hình, các phát thanh viên nói các tên nước ngoài nghe ghê quá ví dụ như Xít-ta-lin (Stalin), Xít-Po (Sport)... Nghe rất chướng, mà tụi nó toàn trình độ đại học cả đấy nhé.

Đối diện với nhà ông Nhân là hộ nhà ông Cư. Ông Cư thời Pháp thuộc làm kế toán cho nhà máy rượu. Bà Hậu vợ ông buôn nước mắm và tương. Tương thì bà nhập từ làng Bàn Yên Nhân ở Hải Dương, nước mắm thì từ Cát Hải, Hải Phòng. Ông bà này có 6 người con. Diện mạo của họ rất tương phản: Ông Cư tướng ngũ đoàn, thấp lùn, to chắc, da đen, mắt trố, răng hô. Bà Hậu thanh mảnh khá xinh, nước da trắng trẻo như người ta gọi là loại “mỏng mày hai hạt”. Bà tâm sự với mẹ tôi rằng bà cùng làng với ông Cư. Bố mẹ ông sang gặp thầy u bà hỏi cưới bà cho ông Cư.

- Các cụ nói phét rằng Cư làm thông phán trên Hà Nội. Lương cao, có nhà riêng, đi làm thì ruôn ruốt com lê com táo, cà vạt đeo suốt ngày nên các cụ nhà tôi đồng ý gả tôi cho lão ấy, chứ có biết đâu lão ấy chỉ là công chức c.m, lương ba cọc ba đồng, ở nhà thuê... Tôi cực lắm, sinh đứa đầu lòng còn đỏ hơn hồng đã phải thuê sạp ở chợ để bán nước mắm, vừa bán vừa ôm con... là tầng lớp trên, bà không hiểu được những cơ cực của loại dân nghèo thành thị như tôi đâu.

Dân phố đặt cho ông Cự cái tên Chủ tịch hội xấu trai của quận. Ông còn bị họ gọi là Cự bệt, không phải là bệt đầu mà lòng bàn chân ông phẳng lì chứ không cong lên nên ông không chạy được. Ông và lũ con chết tên “bệt”. Nhiều năm sau dân phố cứ gọi Cự bệt, Công bệt, Hiền bệt... để phân biệt với những cái tên khác. Bị chết tên như vậy nên ông Cự nổi máu sĩ diện hảo/yêng hùng theo xu hướng chúng mày đừng khinh tao nào là xấu trai, nào là bệt... tao cũng sát gái ra phết đấy. Và rồi ông cũng đi chơi gái ra phết, mà có lẽ hầu hết là gái điếm. Một tối có một bà lạ hoặc đến nhà ông nằm lăn ra giữa giường kêu khóc:

- Tôi đau đẻ quá... Ông đỡ đẻ cho tôi nhé.

Bà Hậu và lũ con khóc um to, rồi bà chạy sang nhà ông Nhân nhờ ông sang giúp. Ông Nhân vào nhà hát hàm hỏi bà kia:

- Bà là ai?, Sao đến nằm ềnh ra giữa giường người ta ăn vạ?

Đợi ông kéo tay bà ấy ngồi dậy, quát:

- Cút đi ngay, còn ngồi lì ra đấy à?

- Tôi là vợ hai ông Cự. Ông là ai mà có quyền đuổi tôi?

- Tao là công an. Mày mà không cút thì tao trói giải lên đồn bây giờ. Gái đĩ già mồm.

Rồi ông rút trong túi ra một đoạn dây dù, vút đánh đét một cái vào thành giường. Bà kia đứng dậy vẫn lải nhải

- Tôi là vợ hai ông Cự, ông ấy nói tôi về đây ở chung với bà cả. Có chị có em cho vui...

- Pháp luật quy định một vợ một chồng

Ông quay sang ông Cự hỏi:

- Giấy kết hôn của ông với bà này đâu? Làm gì có. Bớ lão, loại ăn bánh trả tiền mà không chùi mép.

Đợi cho bà ăn vạ ra khỏi cửa, ông tới hai tay kéo ngược hai tai ông Cự lên vừa nói:

- Sướng cái cu mà mù cái mắt”.

Ông Cự hét lên

- đau, đau... đau quá!

Sau đó không thấy bà ăn vạ này quay trở lại nhà ông Cự nữa.

Ông Cự có một tủ sách lớn trong đó hầu hết là tiểu thuyết lịch sử của Trung Quốc như Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc, Tùy Đường diễn nghĩa, La Thông tảo bắc, Tây Du Ký. Ông quý cái tủ sách này lắm, không cho ai mượn bao giờ thậm chí cả các con ông. Ông nói:

- chúng nó không đứa nào thích đọc sách.

Trong tủ sách của ông không hề có một cuốn tiểu thuyết văn học nào. Tụi trẻ chúng tôi có vài đứa ngỗ ngược khi đi ngang nhà ông thấy ông ngồi ngoài cửa uống trà hóng phố, ngứa mồm chọc vui gọi “bệt”, làm ông cau:

- bệt, bệt, bệt cái thằng bố mày.

Có lần ông rút dép ném theo.

Đầu những năm 1970, vì buôn bán ế ẩm, bà Hậu bỏ thuê sạp ở chợ về nhà mở cửa hàng bán nước mắm, xă dầu và tương. Mấy đứa nhãi láo lại nghĩ ra một câu mới “một lít nước mắm pha hai lít nước lý”. Bà Hậu phớt lờ như không nghe thấy. Cái phản ứng trái ngược với chồng bà làm tắt ngấm cái hứng trêu chọc của mấy đứa trẻ mất dậy. Giống như ông Nhân, ông Cự cũng thích chọc ghẹo, chót nhả những bà bán rong. Những lúc vợ ông đi chợ vắng nhà ông ngồi trông hàng. Thấy có bà gánh hàng quà hoặc hàng rau đi qua, ông vờ gọi hỏi mua rồi ra lục lợi gánh hàng vừa bình phẩm chót nhả. Đột nhiên ông đưa tay sờ mông hoặc chồ kín, hoặc vú họ. Hầu hết phản ứng của họ là đỏ mặt im lặng gạt tay ông ra rồi bỏ đi. Nhưng một lần, cô bán rau nạn nhân của ông phản ứng một cách dữ dội: Cô sĩa sới vào mặt ông chửi “đồ dê già... đồ mất dậy” và lấy đòn gánh quật vào đùi ông. Ông Cự chạy biến vào nhà. Bà con dân phố xúm quanh cô bán rau nghe cô kể tội ông, rồi từ hôm đó họ gọi ông là “lão dê bệt” và cũng từ hôm đó ông chữa thói chọc ghẹo thô tục đó. Cha tôi thờ dài bình luận:

- Người nghèo dễ bị xúc phạm/bắt nạt. Cùng xuất thân là dân quê mà ông Cự, ông Nhân không thương và đồng cảm với những bà con nghèo ra ngoài thành thị buôn thúng bán bưng.

Trầm ngâm một lát người nói

- văn hào Pháp Victor Hugo từng nói cuộc đời người thất học lắm than lắm.

Ông Cự hận ông Nhân sau vụ ông Nhân dẹp loạn nằm vạ ở nhà ông. Ông cấm lũ con chơi với lũ con ông Nhân. Khi bà Hậu không ngủ chung giường với chồng mà sang ngủ với mấy đứa con gái thì ông hay gây lộn với vợ. Có lần ông đánh bà đau, bà chạy sang cầu cứu ông Nhân. Vừa thấy bóng ông Nhân lững thững vào nhà là ông Cự chạy tọt vào nhà xí, chẹn cửa. Ông Nhân quát

- đánh vợ là phạm pháp, lần sau là tao trói giải lên đồn đấy nhé.

Khi ông Nhân về, ông Cự chỉ chiết vợ

- có đứa mẹ mẹ con con mà nó cười lên bụng mẹ, có đứa nó chị chị em em mà đã cả chị. Tôi đau dái quá...

Bà Hậu đỏ mặt

- con gái lớn rồi mà ông cứ nói tục tũn rồi bà bỏ ra ngoài.

Các con ông bà Cừ/Hậu giờ đã lớn. Chúng ngoan và chăm học. Anh Cừ, con cả, thi đỗ vào đại học giao thông. Những lúc rỗi và cuối tuần anh làm thêm việc kéo xe chở than đi giao hàng. Chị Hiền học đại học Y và đi giao nước chấm cho các hàng quán. Dân phố khen "lão Cừ sống luông tuông may có bà vợ đức độ kéo lại". Đạo này ông Nhân già nhanh quá. Ông lo buồn nhiều về việc con cái. Con Gia ở trường cải tạo trẻ vị thành niên được tám tháng thì ông xin cho tại ngoại, như vậy là nó ra trại sớm được 4 tháng. Ông xin cho nó đi làm ở tổ vận tải của bến cảng Phà Đen. Bây giờ nó mặc quần bó chặt căng, hút thuốc lá phì phèo không cần giấu giếm gì nữa. Năm ấy nó mới ngoài 16 tuổi. Thăng Đức thì phải ở trại đủ 12 tháng mới được tha, vì nó có tiền án nên ông không xin được cho nó vào công an, nó lại bị bắt vì tội cướp - trấn lột có vũ khí, tức là nó dí dao nhọn vào cổ một cặp tình nhân ngồi chơi ban đêm ở bờ hồ Trúc Bạch để cướp tiền và cái xe đạp Phượng Hoàng. Sau khi nó ngẩng lên xe phóng đi thì cặp nạn nhân này tri hô, người ta đuổi theo bắt được thăng Đức. Kỳ này đáng lẽ thăng Đức bị đưa ra xử ở toà án vì nó đã đủ 18 tuổi, thì ông Nhân lại chạy chọt để nó đi trại cải huấn trẻ em thêm một năm nữa. Ông tâm sự với cha tôi

- tôi ức quá, vì con mà mình lụy thẳng trường công an quận. Thăng này trước là quân của tôi, loại em út thôi... thế mà bây giờ mình phải đi tới nhà riêng của nó để xin cho con. Nó cười hề hếch với tôi: "em bắt giữ nó chứ thăng này còn ở ngoài thì con đi cướp của giết người, chứ không chỉ có như thế mà rồi thôi đâu, mà anh cũng đỡ lo. Đó, cứ bé xé ra to..."

- Ra tòa xử thì nó chỉ bị mấy tháng tù thôi?

- Không, tội tái phạm thì ít nhất cũng phải một năm rưỡi, hai năm. Hơn nữa, ông biết không? Tình hình trong các trại tù loạn lắm, mỗi phòng nhốt hơn trăm phạm nhân. Ban ngày đi lao động, tối về khóa cửa phòng là thế giới riêng của bọn tội phạm: là cờ bạc, trấn lột, chèn ép lẫn nhau... những thằng có án tích nặng, khỏe mạnh, giỏi võ thì làm "sĩ quan". Chúng bắt "tù binh lính" phải đấm bóp, quạt hầu cho chúng ngủ. Chúng ăn no nê rồi mới đến lượt tù binh lính ăn. Quà bánh thăm nuôi của gia đình gửi cho tù phải qua tay chúng, muốn đến tay người nhận chỉ còn một hai...

Thăng Đức đi trại cải huấn thì lại làm "sĩ quan" ở đó, nó cũng đỡ khổ. Thời gian này ông Nhân uống rượu nhiều. Chiều nào ông cũng ra đứng hóng gió ở cổng một lát, mặt đỏ phừng phừng trông rất dễ sợ, hơi thở nồng nặc mùi rượu. Một hôm ông sang mời cha tôi sang nhà ông chơi. Ông nói:

- Mời ông sang uống với tôi chén rượu, hôm nay nhà tôi có chuyện buồn. Đó là chú em trai út của tôi, chú Đô, đã hy sinh cách đây nửa tháng vì bom B52 của Mỹ đánh sập hầm. Nó là bác sỹ quân Y ở Trường Sơn, đang chuẩn bị phong anh hùng thì hy sinh.

Thấy ông rất buồn thảm, mắt đỏ hoe, cha tôi không nỡ từ chối bèn theo ông. Khi vào nhà, ông trở tay lên mặt tủ, ở khoảng tường trên đó có treo năm, sáu cái ảnh viền khung đen, bên dưới có mấy tấm chứng nhận Huân chương và Gia đình vẻ vang, nhưng trên mặt tủ không hề có một bát hương nào. Ông giải thích:

- Là Đảng viên thì phải gương mẫu, không được thờ cúng ông ạ...

Sau khi đã yên vị. Bà Nhân bưng lên một mâm có hai cái bát, hai đôi đũa, hai cái chén, một chai rượu, một đĩa mực tươi xào, một bát lạc rang. Ông nói:

- Mời ông giáo, chỉ có tôi với ông thôi, bà ấy với chúng nó ăn ở dưới nhà. Vì tôi uống rượu nên chúng nó cứ nhắm nháy, khó chịu lắm... rượu ngon phải có bạn hiền, mời ông đi.

Sau vài tuần rượu, ông Nhân tâm sự:

- Như vậy là cả hai chú em tôi đều hy sinh cả rồi, chú ba nhà tôi hy sinh ở Sài Gòn, vì nó hoạt động biệt động nội tuyến nên phải giữ bí mật việc hy sinh, bằng đường dây trong ngành nên tôi biết, chứ ngay vợ con nó cũng chưa biết đâu, bây giờ lại đến chú út. Ngày xưa, trước khi chết, cha tôi có trời trăng là ông có xem tử vi thì nói hậu vận nhà tôi xấu lắm, vì ông có giết người khi đi buôn trâu, buôn bò nên sẽ bị quả báo về hậu duệ. Cụ khuyên anh em chúng tôi nên theo cái sự học, tránh những việc giết người, việc làm ác... thì chú út đã học thành bác sỹ, mà rồi vẫn chết yểu. Ông có tin cái thuyết ác giả ác báo không?

- Có, có chứ... nhưng về cái ác đại cương thì cũng còn phải xem xét.

- Đây, tại sao các cụ nhà ông thời cách mạng bốn lăm (1945) và cải cách ruộng đất lại không hề hấn gì? Khối tội quan lại bị xử bắn như Tuần phủ Cung Đình Vận, Đàm Duy Huyền... mà lạ là tội con Đàm Duy Huyền học giỏi lắm, hiện nay chúng nó lại là giáo sư bác sỹ cả. Tội con cái nhà Phạm Quỳnh cũng thế.

- Vì họ ác, họ tăng công với Pháp bằng cách đàn áp, bắt bớ những người yêu nước, hoạt động cách mạng. Vì họ tậu nhiều ruộng đất, nhà cửa; ăn của đút lót, hối lộ nên dân ghét họ lắm. Các cụ nhà tôi không hề làm

những việc giống họ, các cụ lấy nghề dạy học làm nghiệp nhà và cũng chẳng có ruộng đất tài sản gì đáng kể. Tôi nghe nói lại, hồi cải cách ruộng đất, Đội cải cách có đưa tên các cụ ra nhưng bà con gạt đi không chịu đấu; có khối anh chỉ là lý trưởng thôi, có mấy mẫu ruộng mà cũng bị xử bắn...

- Ờ, ờ, đúng thế ..

trầm ngâm một lát ông Nhân nói tiếp:

- Đạo này tôi hay mê điều dữ lắm... cứ gặp lại những người ngày xưa bị mình xử: những đứa bị trói tay sắp đẩy xuống sông cứ ngoảnh lại nhìn vào mắt mình, có hôm nằm mê thấy những đứa bị mình tra đánh trước đây nằm ngổ la liệt trong phòng này, toàn máu là máu, khiếp quá... Tôi có hỏi mấy thằng bạn cũ là chúng nó có nằm mê giống như tôi không, thì chúng nó cười ồ lên, nói chẳng mơ mộng gì cả, lại còn nói tôi là loại “xét lại”... hà hà.

- Rồi cái gì cũng trôi qua, tôi sợ những xáo trộn lắm bác Nhân ạ, mà tôi nói chuyện với người trẻ cũng không hợp, sao bây giờ họ hay khẳng định thế... cứ động mở miệng là ông phải thế nọ, bà phải thế kia.

- Hà, hà... trẻ chơi bạn trẻ, già choang bạn già mà... hà hà, bây giờ có lắm thằng cứ thích diễn thuyết. Nói thì lung tung, ngọng lú ngọng lô mà lại có tác phong “lãnh tụ”, nói được vài câu lại lấp lại: “phải nói ấy... là ấy... phải nói ấy... thì ấy..”, “chúng ta phải đi sâu... đi sát vào trong quần... chúng chị em phụ nữ...” thế là mọi người nghe cười ồ lên. Có lão thì nói: “Mẹ các đồng chí, mẹ cha các đồng chí...” mọi người sừng sốt tưởng lão chửi cha mẹ mình, lát sau lão nói tiếp: “... Đang ngày đêm hăng say lao động sản xuất và chiến đấu...” ha ha.